TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-PT
Ngày: 10 - 6 - 2021
"V/v tranh chấp về phường, hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hải Minh.

- Thư ký phiên tòa:ông Lương Văn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp về phường hụi". Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án Nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1968; địa chỉ: xóm M5, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Bị đơn*: bà Hà Thị X, sinh năm 1963; địa chỉ: xóm M3, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1964; địa chỉ: xóm M6, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị S, sinh năm 1980; địa chỉ: xóm M6, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H; địa chỉ: Tổ 3, Khối 8, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Bà Trương Thị Kim Th, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm M4, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

** Người kháng cáo:* bị đơn bà Hà Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2017, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V yêu cầu:

Trong năm 2012 đến năm 2013 nguyên đơn có tham gia 07 dây phường do bà Hà Thị X làm chủ phường. Số tiền phường nguyên đơn đã nộp là 214.522.000 đồng; số tiền lãi đã nhận: 76.850.000 đồng; bà Hà Thị X đã trả nợ được số tiền là 14.000.000 đồng. Số tiền thực nguyên đơn đã nộp mà chưa được nhận tại phường do bà Hà Thị X làm chủ phường sau khi cân đối là 123.672.000 đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Hồng V rút một phần yêu cầu đối với số tiền phường như đã chốt nợ, yêu cầu bà Hà Thị X trả nợ số tiền 123.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị X thừa nhận:

Từ năm 2011 đến năm 2013 bị đơn thành lập một số dây phường và làm chủ phường với mục đích là tự nguyện góp tiền giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình. Chủ phường được trích hoa hồng để chi phí tiền điện, nước, sổ sách. Bị đơn thừa nhận bà Nguyễn Thị Hồng V tham gia 07 dây phường do bị đơn làm chủ phường và số tiền các dây phường còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng V là 123.672.000 đồng. Tuy nhiên trách nhiệm trả nợ là của phường, bị đơn không có nghĩa vụ trả nợ. Bị đơn yêu cầu triệu tập những người đã nhận tiền phường nhưng không nộp tiền khi đến các kỳ họp tiếp theo gồm bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th, bà Đặng Thị Kim Dung, bà Châu Thị Hồng để những người này có trách nhiệm trả nợ. Đồng thời bị đơn yêu cầu triệu tập 39 thành viên tham gia phường chưa được nhận tham gia tố tụng để các thành viên đã nhận tiền có trách nhiệm trả nợ cho những người này.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Lê Thị S, bà Trần Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Tuyết Nh, bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Trương Thị Kim Th thừa nhận đang còn nợ tiền phường do bà Hà Thị X làm chủ phường nhưng sẽ có trách nhiệm thanh toán với chủ phường nếu có yêu cầu, không trả trực tiếp cho các thành viên tham gia phường chưa được nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân huyện N đã quyết định: căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28,

Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng V. Buộc bà Hà Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền phường còn nợ là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng), không tính lãi suất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và về quyền kháng cáo.

Ngày 13/10/2020, bị đơn bà Hà Thị X kháng cáo, với nội dung không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An. Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà Hà Thị X giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: bị đơn bà Hà Thị X kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm vì: Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Văn Bình (chồng bà X) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, làm rõ nội dung cam kết, trách nhiệm và ý kiến của ông Bình đối với các nội dung ông đã ký vào biên bản họp phường ngày 08/8/2013; Đồng thời, cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh đầy đủ về việc thu nộp tiền phường trong các kỳ phường của 7 dây phường mà bà V tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các

đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hà Thị X:

Đây là vụ án tranh chấp phường hụi giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V (con phường) và bị đơn là bà Hà Thị X (chủ phường). Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy xác nhận tham gia phường và giấy xác nhận nợ phường ngày 06/8/2013 có bút tích của Bà Hà Thị X. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đều thừa nhận bà V tham gia 07 dây phường do bà Hà Thị X làm chủ phường còn nợ bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền thực nộp là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng); tính chất của phường có lãi và hưởng hoa hồng. Bị đơn bà Hà Thị X đều thừa nhận các tình tiết trên.

Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng trách nhiệm trả nợ cho các thành viên tham gia phường đã nộp tiền mà chưa được nhận như bà Vân là của một số thành viên của phường (con phường) đã nhận tiền phường mà không tiếp tục đóng tiền phường

Xét thấy, Chủ phường là người có trách nhiệm thu tiền phường của các thành viên và giao tiền phường cho thành viên được lĩnh phường; chủ phường là người giữ sổ phường và theo dõi hoạt động của phường đồng thời được hưởng 1% số tiền phường thu được là tiền trách nhiệm thu và giao tiền phường trong các kỳ họp. Tại các biên bản họp phường đều quy định nghĩa vụ của con phường và chủ phường cụ thể: "*... phải nộp tiền đầy đủ mới được mua phường;... những thành viên đã mua hoặc chưa mua đều phải đóng tiền đúng ngày đầy đủ cho phường; Chủ phường phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với mọi sự thất thoát*…". Việc bà Hà Thị X không thu được tiền phường của một số thành viên tham gia phường khi đến kỳ họp dẫn đến không giao được cho các thành viên khác chưa được nhận phường là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và theo quy định tại Điều 5; Điều 15, Điều 27 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định nên phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 302, Điều 304 Bộ luật Dân sự 2005.

Khoản 1 Điều 302 BLDS năm 2005 quy đinh: "*Bên có nghĩa vụ mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự với bên có quyền*".

Điều 304 BLDS năm 2005 quy định về Trách nhiệm dân sự do không thực hiện nghĩa vụ phải thực hiện hoặc không được thực hiện một công việc:

"*1. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện một công việc mà mình phải thực hiện thì bên có quyền có thể yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hoặc tự mình thực hiện hoặc giao cho người khác thực hiện công việc đó và yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán chi phí hợp lý và bồi thường thiệt hại.*

2. Khi bên có nghĩa vụ không được thực hiện một công việc mà lại thực hiện công việc đó thì bên có quyền được quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ phải chấm dứt việc thực hiện, khôi phục tình trạng ban đầu và bồi thường thiệt hại".

Trên thực tế sau khi dừng phường, bà X đã tổ chức họp phường. Tại biên bản họp phường ngày 08/8/2013 thể hiện nội dung: "*...Yêu cầu hai vợ chồng trùm phường phải ký nhận và chịu trách nhiệm trả lại cho các con phường"* ; bà X đã viết giấy nhận nợ phường cho bà V và đã dùng tài sản của mình, vay mượn cũng như yêu cầu các thành viên phường bỏ trốn trả tiền để thanh toán cho bà V số tiền 14.000.000 đồng và đề nghị khi nào thu được tiền phường từ các thành viên phường đã nhận tiền thì sẽ thanh toán cho các thành viên chưa nhận phường.

Đối với một số thành viên của phường (con phường) đã nhận tiền phường không tiếp tục đóng tiền phường thì chủ phường có quyền yêu cầu các thành viên đó phải nộp theo đúng thỏa thuận, nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng thương lượng, hòa giải hoặc khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với ông Nguyễn Văn Bình (chồng bà X) có mặt tại phiên tòa phúc thẩm, thừa nhận ký vào biên bản họp phường ngày 08/8/2013, biên bản này thể hiện ý chí của vợ chồng bà X cam kết chịu trách nhiệm trả tiền phường cho các con phường sau khi thu được tiền từ các con phường nợ phường. Tuy nhiên ông Bình khẳng định ông chỉ tham gia ký với tư cách là người làm chứng sau khi vỡ phường để hỗ trợ cho bà X trong lúc khó khăn, việc tổ chức phường ông không tham gia cùng bà X. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cũng thừa nhận điều này và không yêu cầu ông Bình liên đới trả nợ.

Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V buộc chủ phường bà Hà Thị X thanh toán số tiền phường còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị X và cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: bị đơn bà Hà Thị X kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 121, Điều 122, Điều 123, khoản 1 Điều 302, Điều 304, Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 17, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Buộc bà Hà Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền phường còn nợ là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Hà Thị X phải chịu 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003334 ngày 03 tháng 3 năm 2017.

Buộc bị đơn bà Hà Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003449 ngày 19 tháng 10 năm 2020.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện. N;
- Chi cục THADS h. N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Hải